

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 748/2020/HS-PT
Ngày 27 tháng 11 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 457/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo La Châu T; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 285/2020/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

La Châu T, giới tính: nam; sinh ngày 15/8/1978 tại tỉnh Bến Tre; thường trú: khu phố 2, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: La Gia D (chết) và bà: Bùi Thị Ngh; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: không;

Nhân thân:

Ngày 05/7/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 13 (mười ba) năm tù về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận – BL 397I-397y); sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có kháng cáo; ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án hình sự phúc thẩm số 637/2019/HS-PT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh – BL 685-690);

Bị cáo bị bắt, tạm giam (trong vụ án xảy ra tại tỉnh Ninh Thuận) từ ngày 20/12/2018. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Th – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Trong vụ án còn có bị cáo Ngô Thị Thúy H và 05 người bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2016, khi bị cáo La Châu T làm nghề chạy xe ôm thì có 01 người phụ nữ tên Th (không rõ nhân thân, lai lịch) thuê bị cáo T chở đến tiệm cầm đồ để mua giấy Chứng minh nhân dân và đến các ngân hàng để mở tài khoản ngân hàng nhiều lần. Sau đó, đối tượng Th thuê bị cáo T tìm người hoặc tự đi tìm mua giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác để mở tài khoản ngân hàng, Th trả cho người mở thẻ 2.000.000 đồng/tài khoản và trả cho T 1.000.000 đồng/tài khoản. La Châu T thuê La Ngọc T1 (em gái T) đi tìm mua giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác, rồi mang đến các ngân hàng để mở tài khoản thẻ thanh toán quốc tế (thẻ Visa hoặc thẻ Master), bà T1 mở được 07 tài khoản nhận của bị cáo T 14.000.000 đồng, sau đó bà không tiếp tục mở thẻ cho T nữa. Bị cáo T thông báo lại với Th việc không tiếp tục mở tài khoản thì Th nói sẽ tăng số tiền trả cho người mở thẻ lên 200 USD/tài khoản và trả cho T 100 USD/tài khoản. Do đó, bị cáo T tiếp tục thuê ông La Gia Tr và bị cáo Ngô Thị Thúy H mở tài khoản ngân hàng giao lại cho T để T giao cho Th.

Ngô Thị Thúy H mua 09 giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác mua tại tiệm cầm đồ do bị cáo T hướng dẫn với giá 500.000 đồng/ giấy Chứng minh nhân dân, sau đó dán ảnh của H vào để mở 21 tài khoản tại các ngân hàng. Sau khi nhận được thẻ, bị cáo H thay lại ảnh cũ trên giấy Chứng minh nhân dân, đem ép nhựa và đưa lại cho La Châu T cùng với việc đưa thẻ và được T trả tiền 200 USD/tài khoản. Trong số 09 giấy Chứng minh nhân dân được H sử dụng để mở tài khoản thì có giấy Chứng minh nhân dân mang tên Đoàn Thị Diễm K và giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc T là 02 tài khoản mà bị hại Nguyễn Thị Lệ Trinh đã chuyển tiền vào. Ngoài ra, bị cáo H theo dõi số dư tài khoản phát hiện có nhiều người chuyển tiền vào tài khoản này, sau đó được rút ra ngay, mỗi tài khoản chỉ được sử dụng trong thời gian ngắn nên bị cáo nghi ngờ các đối tượng thuê mở tài khoản để chiếm đoạt tài sản của người khác, vì vậy H nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt lại một phần số tiền trong tài khoản do chính bị cáo đã mở trước đó. Bị cáo H đã sử dụng dịch vụ internet banking chuyển tiền từ các tài khoản do bản thân mở có phát sinh tiền đến tài khoản mang tên Nguyễn Trần Phương L, Nguyễn Thị Phương Th, sau đó bị cáo đến các trạm ATM để rút tiền mặt và sử dụng cá nhân. Để tránh việc người thuê làm thẻ phát hiện, mỗi lần chuyển tiền bị cáo H chỉ chuyển từ 500.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền bị cáo đều ghi mua đồ dùng cá nhân. Số tiền bị cáo H chuyển vào tài khoản mang tên Nguyễn Trần Phương L là

268.300.000 đồng, tài khoản Nguyễn Thị Phương Th là 230.000.000 đồng. Tổng số tiền chém hưởng thông qua 02 tài khoản trên là 498.300.000 đồng, trong đó có 2.300.000 đồng được chuyển từ tài khoản Nguyễn Thị Ngọc T (số tiền này xác định là do bị hại Nguyễn Lệ Tr chuyển).

Quá trình xác minh, cơ quan điều tra đã xác định và lấy lời khai của các bị hại như sau:

- Đối với tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Thị Ngọc T, các bị hại đã chuyển tiền vào tài khoản này gồm: Nguyễn Lệ Tr (309.500.000 đồng), Trần Thị Ngọc Ph (11.300.000 đồng), Nguyễn Thị Ng (96.000.000 đồng), Đỗ Trang Uyên Th (142.600.000 đồng).

- Đối với tài khoản mang tên Đoàn Thị Diễm K, các bị hại đã chuyển tiền vào tài khoản này gồm: Nguyễn Lệ Tr (91.500.000 đồng) và Nguyễn Thị Tr1 (45.500.000 đồng).

- Đối với tài khoản mang tên Dương Thị Băng Ch, bị hại đã chuyển tiền vào tài khoản này là Nguyễn Thị Ng (23.000.000 đồng).

Tại Cơ quan điều tra, các bị hại khai nhận như sau:

- Bà Nguyễn Lệ Tr khai:

Ngày 04/11/2017, thông qua mạng xã hội facebook, bà Tr làm quen và kết bạn với một số đối tượng tự xưng là Nelly N (quốc tịch Mỹ). Do biết bà Tr đang buồn chuyện gia đình, đối tượng này đã chủ động nhắn tin yêu thương, khi được bà chấp nhận tình cảm, đối tượng hứa sẽ gửi quà, nữ trang và tiền cho bà mua nhà tại Việt Nam, để có chỗ ở sau khi 02 người làm đám cưới. Ngày 15/11/2017, đối tượng Nelly N nhắn tin thông báo là đã gửi 2.000.000 USD cho bà Tr nhưng do không khai báo nên bị phạt, đối tượng yêu cầu bà phải chuyển tiền để đóng tiền phạt. Sáng ngày 16/11/2017, có 01 người phụ nữ sử dụng số điện thoại 0967358061 gọi cho bà Tr tự xưng là nhân viên hải quan và yêu cầu bà phải nộp tiền phí giao hàng, phí cho luật sư; cùng ngày, bà Tr đến Ngân hàng TMCP T (TBANK) nộp 02 lần vào tài khoản số 19031785848016 mang tên Đoàn Thị Diễm K với tổng số tiền 91.500.000 đồng.

Ngày 17/11/2017, đối tượng Nelly N liên hệ qua điện thoại yêu cầu bà Tr chuyển số tiền thuế là 114.000.000 đồng vào tài khoản số 060154214561 mang tên Nguyễn Thị Ngọc T; cùng ngày, bà Tr đến Ngân hàng S nộp số tiền 114.000.000 đồng vào tài khoản theo yêu cầu.

Tiếp đến, bà Tr đến Ngân hàng S nộp vào tài khoản số 060154214561 mang tên Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 178.500.000 đồng vào ngày 20/11/2017 và số tiền 17.000.000 đồng vào ngày 21/11/2017.

Như vậy, bà Tr đã tin tưởng chuyển tổng cộng 401.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Đoàn Thị Diễm K và Nguyễn Thị Ngọc T, số tiền này sau đó bị rút ra chiếm đoạt.

- Bà Trần Thị Ngọc Ph khai:

Khoảng tháng 8/2017, thông qua facebook, bà Ph quen với 01 đối tượng (không nhớ họ tên, địa chỉ). Người này tự giới thiệu là người Mỹ, cho biết sẽ chuyển

cho bà Ph 1 triệu USD để cùng hợp tác kinh doanh chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau đó đối tượng này cho biết đã gửi cho bà số tiền này theo đường hàng không và phải nộp 80.000.000 đồng tiền thuế, do người này đang ở nước ngoài nên yêu cầu bà nộp giúp số tiền thuế này, sau này sẽ trả lại. Vì tin tưởng, bà Ph đã nộp 03 lần với tổng số tiền trên 30.000.000 đồng (trong đó có lần bà Ph nộp vào tài khoản mang tên Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 11.300.000 đồng; còn lại không nhớ số tài khoản và tên tài khoản).

- Bà Nguyễn Thị Ng khai:

Khoảng đầu năm 2017, thông qua facebook, bà Ng có quen biết với 01 người tự xưng là Michael S đang sinh sống tại Anh. Bà và Michael S thường xuyên nhắn tin yêu thương, gọi video nói chuyện bằng tiếng Anh, đối tượng này hứa sẽ gửi trước số tiền khoảng hơn 1.000.000.000 USD cho bà Ng để nhờ bà mua nhà và sẽ về Việt Nam sinh sống cùng bà. Sau đó, đối tượng này thông báo qua tin nhắn là đã chuyển tiền về Việt Nam, đồng thời gửi kèm ảnh chụp 01 vận đơn gửi hàng. Ngày 30/11/2017, có 01 người sử dụng số điện thoại 0869989264 gọi cho bà Ng, tự xưng tên Vân A và là nhân viên hải quan, cho biết có 01 thùng quà từ nước ngoài gửi về cho bà, yêu cầu bà phải nộp số tiền thuế 23.000.000 đồng vào tài khoản số 19031813305015 mang tên Dương Thị Băng Ch. Vì tin tưởng, bà Ng đã đến Ngân hàng TBANK nộp số tiền 23.000.000 đồng vào tài khoản trên. Đến chiều cùng ngày 30/11/2017, đối tượng Vân A gọi điện thoại cho bà Ng cho biết là thùng quà đi qua máy soi phát hiện có số lượng tiền lớn, yêu cầu bà phải nộp phạt số tiền 96.000.000 đồng vào tài khoản số 060154214561 mang tên Nguyễn Thị Ngọc T nên bà Ng đến Ngân hàng S nộp tiền.

Sau đó, bà Ng không liên lạc được với các đối tượng này nên nộp Đơn tố cáo tại Công an quận B. Ngày 02/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B có Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 154 về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (BL 457), sau đó tạm đình chỉ vì đã hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can, chưa có kết quả trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký và tài liệu do ngân hàng cung cấp, sử dụng làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội (Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 346 ngày 02/10/2018 – BL 467). Ngày 09/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án số 14 và ngày 12/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận B ra Quyết định chuyển vụ án hình sự 04/QĐ-VKS BTh đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra theo thẩm quyền (BL 470, 454). Ngày 23/7/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định nhập vụ án hình sự số 254-08 (BL 386) để điều tra xử lý chung.

- Bà Đỗ Trang Uyên Th khai:

Vào ngày 21/11/2017, bà Th nhận được điện thoại từ em gái đang định cư tại Mỹ là bà Đỗ Trang Thảo D, qua điện thoại bà D nhờ bà Th đến nhà mẹ ruột lấy 142.600.000 đồng nộp vào tài khoản mang tên Nguyễn Thị Ngọc T. Cùng ngày, bà Th đến nhà mẹ ruột lấy số tiền trên đem đến Ngân hàng Sbank nộp vào tài khoản số 060154214561 mang tên Nguyễn Thị Ngọc T. Khi nhờ chuyển tiền thì bà D nói với bà Th là chuyển tiền góp vốn làm ăn (không nói rõ là làm ăn gì), sau đó một thời gian, bà D gọi điện thoại cho bà Th nói là đã bị người khác lừa lấy số tiền này.

- Bà Nguyễn Thị Tr1 khai:

Khoảng cuối năm 2017, thông qua facebook, bà Tr1 quen biết với 01 đối tượng tự xưng là “Micheal hoa lee”, đối tượng này tự giới thiệu là quân nhân người Mỹ đang tham chiến tại Iraq. Qua facebook, đối tượng chủ động làm quen, nhắn tin yêu thương và được bà Tr1 chấp nhận tình cảm. Đối tượng này hứa sẽ mang một số tiền lớn về Việt Nam sinh sống cùng bà Tr1 nhưng vì đang tham chiến tại chiến trường, nếu muốn về phải bỏ tiền ra thuê người đi lính thay và do đang để tiền tại Mỹ nên nhờ bà Tr1 cho mượn tiền để thuê người đi lính thay, sau này sẽ trả lại. Vì tin tưởng, bà Tr1 đã đồng ý chuyển 45.500.000 đồng vào tài khoản do đối tượng này cung cấp mang tên Đoàn Thị Kiều D tại Ngân hàng Sbank.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo và các đối tượng liên quan khai nhận:

- Bị cáo Ngô Thị Thúy H khai:

Khoảng tháng 5/2017, bị cáo và chồng là La Gia Tr được La Châu T (T là anh của Trí) thuê đi tìm giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác rồi mang đến các ngân hàng để mở tài khoản thẻ thanh toán quốc tế (thẻ Visa hoặc thẻ Master) với giá 200 USD/tài khoản, do có khó khăn về tài chính nên mặc dù biết việc làm là sai phạm nhưng vợ chồng H vẫn đồng ý làm. Bị cáo T cho biết việc này do 01 người bạn của T thuê làm. T hướng dẫn cho vợ chồng H đến tiệm cầm đồ TT tại quận T (không rõ địa chỉ) mua giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác với giá 500.000 đồng/giấy. Mua được một số giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác (gồm cả nam lẫn nữ), bị cáo H và ông Tr đi chụp ảnh, mang về phòng trọ, H lấy kéo cắt nhựa ép, bóc ảnh từ giấy Chứng minh nhân dân ra và dán ảnh của H và Trí lên các giấy Chứng minh nhân dân này, đem ra tiệm ép nhựa lại như cũ. Sau đó vợ chồng H đem giấy Chứng minh nhân dân đã được thay ảnh của mình đến các ngân hàng để mở tài khoản.

Trong vụ án này, bị cáo H khai đã mua và sử dụng 09 giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác để mở 21 tài khoản tại các ngân hàng, việc mở tài khoản tại ngân hàng nào là theo yêu cầu của bị cáo T, sau khi mở xong tài khoản và nhận được thẻ, bị cáo H thay lại ảnh cũ trên giấy Chứng minh nhân dân bằng cách bóc ảnh của H trên giấy Chứng minh nhân dân, dán ảnh cũ đã bóc trước đó ra, đem ép nhựa và đưa lại cho La Châu T cùng với việc đưa thẻ, được bị cáo T trả 200 USD/tài khoản. Trong số 09 giấy Chứng minh nhân dân đã được bị cáo H sử dụng để mở tài khoản thì có giấy Chứng minh nhân dân mang tên Đoàn Thị Diễm K và giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc T.

Bị cáo H khai trong quá trình mở tài khoản, có giữ lại sim để theo dõi số dư tài khoản và phát hiện có nhiều người chuyển tiền vào tài khoản rồi số tiền này được rút ra ngay, mỗi tài khoản chỉ được sử dụng trong thời gian ngắn sau đó ngừng sử dụng, đồng thời đối tượng liên tục thuê bị cáo H sử dụng giấy Chứng minh nhân dân của người khác để mở nhiều tài khoản khác nhau tại nhiều ngân hàng và trả cho bị cáo số tiền lớn (200 USD/tài khoản) nên H nghi ngờ các đối tượng thuê mở tài khoản để chiếm đoạt tài sản của người khác, từ đó H nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt lại một phần số tiền trong các tài khoản do bản thân đã mở trước đó.

Trong số các tài khoản do H đăng ký mở tại các ngân hàng, có tài khoản mang tên Nguyễn Trần Phương L và Nguyễn Thị Phương Th, ngoài tài khoản thẻ thanh toán quốc tế Visa, H còn làm thêm thẻ ATM nội địa và qua theo dõi số dư thấy tài khoản này không phát sinh giao dịch nên bị cáo nghi số tài khoản này không được sử dụng, vì vậy đã sử dụng dịch vụ internet banking chuyển tiền từ các tài khoản do bản thân mở có phát sinh tiền đến tài khoản mang tên Nguyễn Trần Phương L và Nguyễn Thị Phương Th, sau đó H đến các trạm ATM để rút tiền mặt và sử dụng cho mục đích cá nhân, để tránh sự phát hiện của người thuê làm thẻ, mỗi lần chuyển tiền H chỉ chuyển từ 500.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền bị cáo khai là ghi mua đồ dùng cá nhân. Bằng thủ đoạn này, bị cáo H đã chiếm hưởng số tiền 498.300.000 đồng từ các tài khoản nêu trên.

- Bị cáo La Châu T khai:

Khoảng giữa năm 2016, bị cáo T chạy xe ôm tại khu vực đường C, Phường 4, quận T và có quen biết với 01 người phụ nữ tên Th. Bị cáo thường chở người này đến các tiệm cầm đồ tìm mua giấy Chứng minh nhân dân và thấy Th thay ảnh trên giấy Chứng minh nhân dân bằng ảnh của Th và đem đến các ngân hàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để mở tài khoản. Đối tượng Th có đặt vấn đề thuê T đi tìm mua giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác để mở tài khoản ngân hàng, ban đầu Th trả cho người mở thẻ số tiền 2.000.000 đồng/tài khoản và trả cho T số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản. Bị cáo T thuê bà La Ngọc T1 (em gái T) đi tìm mua giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác rồi mang đến các ngân hàng để mở tài khoản thẻ thanh toán quốc tế (thẻ Visa hoặc thẻ Master), T1 mở được 07 tài khoản và nhận của T 14.000.000 đồng, sau đó T1 không tiếp tục mở thẻ cho T nữa. Bị cáo thông báo lại với Th việc không tiếp tục mở tài khoản thì Th nói sẽ tăng số tiền trả cho người mở thẻ lên 200 USD/ tài khoản và trả cho T 100 USD/tài khoản. Do đó, bị cáo T tiếp tục thuê ông La Gia Tr và bị cáo Ngô Thị Thúy H mở tài khoản ngân hàng giao lại cho T để T giao cho Th. T biết việc làm này là vi phạm pháp luật nhưng do đang gặp khó khăn tài chính nên đã đồng ý. T khai gửi thẻ cho Th qua Campuchia bằng xe khách; nhận tiền từ Th bằng phương thức: Th chuyển khoản hoặc Th gửi qua nhà xe trên, nhà xe sẽ liên hệ T bằng điện thoại và hẹn địa điểm giao tiền (thường là đường C).

Thấy đối tượng Th thuê T mua giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác để mở tài khoản ngân hàng với số lượng lớn và trả cho T số tiền lớn (300 USD/tài khoản), T nhận thức được người này thuê T mở tài khoản để làm việc phi pháp nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên T đồng ý làm và khi thuê lại các em của mình, nhằm che giấu hành vi phạm tội, T có dặn là không được sử dụng giấy Chứng minh nhân dân của mình và không được lấy ảnh của mình thay lên các giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác. T đã thuê Ngô Thị Thúy H, La Gia Tr và La Ngọc T1 mở 37 tài khoản, số tiền hưởng lợi từ mở tài khoản khoảng 7.000.000 đồng và 3.000 USD (trong đó có 54.575.000 đồng Th chuyển tiền vào tài khoản của T), T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Sau này, khi lên mạng đọc báo thấy nói nhiều về việc sử dụng giấy Chứng minh nhân dân của người khác mở tài khoản ngân hàng để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong 01 lần chở đối tượng Th ra trạm ATM đi rút tiền, bị cáo T hỏi Th là “chị

có sử dụng tài khoản nhờ em mở để lừa tiền người ta không?” thì Th trả lời “chị chỉ làm với người nước ngoài, không làm với người Việt Nam”, tuy có nghi ngờ Th thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhưng T không biết cụ thể sự việc như thế nào.

- Ông La Gia Tr (địa chỉ: khu phố 2, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre) khai:

Vào khoảng thời gian giữa năm 2017, La Châu T (anh trai ông Tr) có thuê ông và Ngô Thị Thúy H (vợ ông Tr) đi tìm mua giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác để mở tài khoản thanh toán quốc tế tại các ngân hàng với giá 200 USD/tài khoản, mặc dù biết việc này là vi phạm pháp luật nhưng do khó khăn tài chính nên Tr và vợ vẫn thực hiện. Khi theo dõi các giao dịch tài khoản qua số điện thoại, Tr và vợ biết có nhiều người chuyển tiền đến và được rút ra ngay, tài khoản chỉ sử dụng trong thời gian ngắn và vợ chồng Tr liên tục được thuê đi tìm mua giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác để mở nhiều tài khoản khác nhau nên Tr có nghi ngờ các tài khoản do vợ chồng Tr mở là để người khác thực hiện hành vi sai phạm nhưng không biết cụ thể là việc gì.

- Bà La Ngọc T1 (địa chỉ: 193 khu phố 2, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre) khai:

Khoảng tháng 8/2017, La Châu T (anh trai của bà T1) thuê bà mở tài khoản ngân hàng với giá 2.000.000 đồng/tài khoản. Bà T1 hỏi mở tài khoản như vậy để làm gì thì T cho biết có người bạn của T thuê làm, không biết cụ thể là làm gì, do khó khăn tài chính nên T1 đồng ý. T đưa cho bà T1 03 giấy Chứng minh nhân dân mang tên người khác nhưng T1 chỉ sử dụng được 02 giấy Chứng minh nhân dân để mở 07 tài khoản tại ngân hàng, còn 01 giấy Chứng minh nhân dân do ảnh trên giấy Chứng minh nhân dân không giống T1 nên không mở được tài khoản ngân hàng, khi ngân hàng yêu cầu T1 giải thích thì T1 bỏ chạy do sợ hãi. T1 được T trả 14.000.000 đồng tiền mở tài khoản ngân hàng.

Quá trình xác minh tại ngân hàng:

- Tài khoản số 060154214561 được mở tại Ngân hàng TMCP T – Phòng giao dịch Thông Tây, đứng tên Nguyễn Thị Ngọc T (sinh ngày 22/7/1997 ; giấy Chứng minh nhân dân số 025601768 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/8/2012 ; hộ khẩu thường trú: khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Tài khoản này còn phát sinh số tiền gửi tổng cộng 780.677.334 đồng, phát sinh số tiền rút tổng cộng 745.995.278 đồng (trong đó có số tiền 309.500.000 đồng của bà Nguyễn Lệ Tr, số tiền 142.600.000 đồng của bà Đỗ Trang Uyên Th, số tiền 96.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ng, số tiền 11.300.000 đồng của bà Trần Thị Ngọc Ph, bị rút tại Thủ đô P – Campuchia).

- Tài khoản số 19031785848016 được mở tại Ngân hàng TMCP T, đứng tên Đoàn Thị Diễm K (sinh ngày 30/9/1993; giấy Chứng minh nhân dân số 024899859, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2008; hộ khẩu thường trú: đường P, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh). Từ ngày 31/10/2017 đến ngày 15/01/2018 phát sinh có 646.820.360 đồng (trong đó có 91.500.000 đồng do bà Nguyễn Lệ Tr nộp tiền mặt ngày 16/11/2017, bà Nguyễn Thị Tr1 nộp 45.500.000 đồng ngày 17/11/2017), số tiền chuyển đến tài khoản đều được rút ra tại trạm ATM ngay trong ngày.

- Tài khoản số 19031813305015 mở tại Ngân hàng TMCP T, đứng tên Dương Thị Băng Ch (đường L, Phường 15, Quận 11; giấy Chứng minh nhân dân số 024274844 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/3/2013). Trong thời gian từ ngày 06/10/2017 đến ngày 04/12/2017 phát sinh có 63.126.738 đồng, trong đó có số tiền 23.000.000 đồng do bị hại Nguyễn Thị Ng chuyển vào.

- Tài khoản số 060152153549 mở tại Ngân hàng TMCP T – Phòng giao dịch Võ Văn Ngân, đứng tên Nguyễn Trần Phương L (sinh ngày 04/7/1993; hộ khẩu thường trú: đường N, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; giấy Chứng minh nhân dân số 025316252 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/6/2010). Từ ngày 14/6/2017 đến ngày 11/12/2017 phát sinh có 544.767.093 đồng, đã rút ra 544.600.752 đồng, số dư cuối kỳ 166.341 đồng, trong đó số tiền ghi nội dung chuyển tiền mua mỹ phẩm, quần áo là 268.300.000 đồng, hiện số tiền này đã được rút ra khỏi tài khoản.

- Tài khoản 31410002720851 mở tại Ngân hàng TMCP B, mang tên Nguyễn Thị Phương Th (địa chỉ: đường H, Phường 15, quận P1). Từ ngày 21/12/2017 đến ngày 11/8/2018 phát sinh có 216.768.547 đồng, phát sinh nợ là 216.676.050 đồng.

- Tài khoản 060107130708 mở tại Ngân hàng S mang tên La Châu T (hộ khẩu thường trú: khu phố 2, thị trấn M, huyện M1, tỉnh Bến Tre). Trong thời gian từ ngày 14/02/2017 đến ngày 29/3/2017, tài khoản đã nhận tổng cộng 54.575.000 đồng do một người chuyển tiền ghi tên Th.

Thực hiện xác minh chủ tài khoản:

- Kết quả xác minh tại Công an Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh: Đối tượng Đoàn Thị Diễm K (sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: đường P, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) bán nhà bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 6/2014, hiện không rõ ở đâu.

- Kết quả xác minh tại Công an phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Đối tượng Nguyễn Thị Ngọc T (sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) hiện đã bán nhà cho người khác, cả hộ về cư trú tại huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể).

Thực hiện xác minh thông tin giấy Chứng minh nhân dân:

Kết quả xác minh thông tin trên Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc T xác định: Thông tin ghi trên Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc T đã được Ngô Thị Thúy H sử dụng để mở tài khoản tại Ngân hàng Sbank, trùng khớp với thông tin của Tờ khai Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc T do Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.

Kết quả giám định chữ viết, hình ảnh trên hồ sơ mở tài khoản ngân hàng:

Tại Kết luận giám định số 1350/KLGD-TT ngày 22/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 37) xác định :

1/. Ảnh chứng minh nhân dân photo đề tên Nguyễn Thị Ngọc T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, đề tên Đoàn Thị Diễm K trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, đề tên Nguyễn Trần Phương L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với ảnh

trên giấy chứng minh nhân dân đề tên Ngô Thị Thúy H ký hiệu M1 là ảnh của cùng một người.

2/. Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 (trừ mục “Khách hàng cá nhân” và “Phần dành cho Sbank”) so với chữ viết của Ngô Thị Thúy H trên tài liệu mẫu cần so sánh ký hiệu M2 do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 1276/KLGD-TT ngày 30/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 399b) xác định :

1/. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Phương Th trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký mang tên Ngô Thị Thúy H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người ký ra.

2/. Chữ viết họ tên Nguyễn Thị Phương Th trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2; chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, trừ phần “Số HĐ” so với chữ viết mang tên Ngô Thị Thúy H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người viết ra.

3/. Ảnh trên chứng minh nhân dân photo mang tên Nguyễn Thị Phương Th trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với ảnh trên giấy chứng minh nhân dân đề tên Ngô Thị Thúy H ký hiệu M1 là ảnh của cùng một người.

Ngày 15/02/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 806/PC03 gửi Ngân hàng TMCP T đề nghị cung cấp bản chính bộ hồ sơ đăng ký mở tài khoản mang tên Dương Thị Băng Ch để phục vụ giám định nhưng đến nay chưa có kết quả.

Kết quả xác minh, thu thập thông tin về số điện thoại liên hệ với bị hại:

- Ngày 30/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 1024/CV-PC46 gửi Tổng công ty viễn thông quân đội V chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (BL 185), đề nghị tra cứu thông tin của người đã sử dụng số điện thoại 0967358061 (số đã liên hệ với bà Nguyễn Lệ Tr yêu cầu chuyển tiền) nhưng kết quả được cung cấp thì số điện thoại này chỉ được đăng ký thông tin thuê bao từ ngày 08/01/2018, người đứng tên chủ thuê bao là Trần Anh Th (sinh ngày 27/6/2003, giấy Chứng minh nhân dân số 272931495 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16/01/2018, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai).

Cơ quan điều tra đã làm việc với bà Trần Anh Th và được biết: bà Th hiện đang là học sinh lớp 10, chỉ mới sử dụng điện thoại di động từ tháng 7/2018, không sử dụng số điện thoại 0967358061 và cũng chỉ mới được cấp giấy Chứng minh nhân dân lần đầu vào ngày 16/01/2018 (BL 235-236).

- Ngày 10/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản gửi Tổng công ty viễn thông quân đội V chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (BL 195), đề nghị tra cứu thông tin người đã sử dụng số điện thoại 0869989264 (số đã liên hệ với bị hại Nguyễn Thị Ng yêu cầu chuyển tiền) nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 285/2020/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo La Châu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo La Châu T 13 (mười ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 637/2019/HS-PT ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 26 (hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Ngô Thị Thúy H, về xử lý các vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/8/2020, bị cáo La Châu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo La Châu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo La Châu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt bị cáo La Châu T 13 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới để xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo La Châu T trình bày: Luật sư đồng ý với tội danh mà bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo; tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chỉ là người làm thuê cho đối tượng tên Th, hưởng lợi không nhiều, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong vụ án này các bị cáo là người trong cùng một gia đình, hoàn cảnh khó khăn, đều là lao động trong gia đình chính, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo La Châu T làm trong thời hạn quy định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác, người bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án, các kết luận giám định, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2017, bị cáo La Châu T thuê bị cáo Ngô Thị Thúy H đi mua các giấy Chứng minh nhân dân của người khác, thay ảnh của H vào để mở tài khoản tại các ngân hàng; sau đó đem các giấy Chứng minh nhân dân và các tài khoản đã mở được giao cho đối tượng tên Th, nhận lại 300 USD/tài khoản (trong đó 200 USD/tài khoản đưa cho H, còn 100 USD/tài khoản bị cáo T giữ lại). Các tài khoản này đã được đối tượng Th sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong vụ án này, bị cáo H đã giao cho bị cáo T 09 giấy Chứng minh nhân dân và 21 tài khoản ngân hàng; trong đó có 02 tài khoản bị cáo H sử dụng và nhận số tiền 696.400.000 đồng từ 05 bị hại để sử dụng cá nhân.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo La Châu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 13 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Mặt khác, cùng với hành vi thuê Ngô Thị Thu H, La Gia Tr... mua các giấy chứng minh nhân dân cũ, thay ảnh, mở các tài khoản ngân hàng, sau đó chuyển cho người tên Th dùng để lừa đảo các bị hại khác, bị cáo La Châu T đã bị xét xử theo Bản án hình sự phúc thẩm số 637/2019/HS-PT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong vụ án này, bị cáo bị xét xử về hành vi đồng phạm với bị cáo H trong việc chiếm đoạt tiền của 05 bị hại thông qua hình thức tương tự. Việc tách hành vi của bị cáo ra giải quyết bằng hai vụ án khác nhau là có phần bất lợi cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; giúp bị cáo yên tâm cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo La Châu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo La Châu T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 285/2020/HS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo La Châu T.

Tuyên bố bị cáo La Châu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo La Châu T 12 (mười hai) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 637/2019/HS-PT ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 25 (hai mươi lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo La Châu T không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trí Tuấn

Mai Thị Tú Oanh

Hoàng Thanh Dũng